

#### Phẩm 4: TỬ ĐẾ

Bốn môn giống như trước:

**A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI:** Tử là số đếm, Đế là nghĩa lý, đó là bởi vì lý thật có thể phát sinh hiểu biết không trái ngược, cho nên cùng gọi là Đế, tức là Đới số thích. Phẩm này không phải là giải thích về nghĩa của Tử Đế, mà chỉ trình bày về tên gọi không giống nhau của Tử Đế, cho nên gọi là phẩm Tử Đế.

**B. TRONG Ý** đưa ra có năm: Một là giải thích về phẩm trước thành tựu nghĩa của Mật Quyền đạo; hai là y theo thân nghiệp trước đây cho nên tiếp đến phân rõ về ngữ nghiệp; ba là trước đây trình bày về tên gọi không giống nhau của người chủ động thuyết pháp, phẩm này trình bày về tên gọi không giống nhau của pháp đã thuyết, cho nên đưa ra; bốn là đáp câu hỏi về Phật thuyết pháp trong phần hỏi trước đây; năm là giải thích về căn cứ trước đây thành tựu đã phù hợp trở thành tướng Quyền giáo khác nhau trong pháp sai biệt, cho nên tiếp theo đưa ra.

**C. TÔNG THỦ:** Dùng vô biên Đế hải rất sâu xa làm Tông, cho đến giống như Độ hải trước đây. Nghĩa về Tử Đế tóm lược đưa ra năm môn: 1) Giải thích tên gọi; 2) Phân rõ về tướng; 3) Thể tánh; 4) Nghiệp dụng; 5) Chủng loại (đưa ra ở lúc khác).

**D. TRONG GIẢI THÍCH** văn có ba: 1) Trình bày về tên gọi của Đế ở cõi này; 2) Phân rõ về tên gọi của Đế trong mười thế giới ngoài cõi Ta-bà này; 3) Hiện bày về tên gọi của Đế ở các thế giới khắp hư không ngoài mười thế giới.

*Trong phần một, trong bốn Đế thì mỗi một Đế đều có ba:* Một là nêu ra tên gọi; hai là kết luận về số; ba là phân rõ về ý, nghĩa là vì ứng với cơ để điều phục cho nên lập ra tên gọi này. Điều là điều hòa, Phục là chế phục, nghĩa là điều hòa thuận thực thân-khẩu-ý nghiệp, chế phục diệt trừ những tâm hành ác. Vì sao Văn Thù thuyết giảng? Bởi vì trình bày về Diệu Tuệ khéo léo thông hiểu nghĩa của Thật đế. Lại vì sao chỉ hiện bày bốn Đế sai biệt? Đó là bởi vì Quyền giáo sai biệt dễ dàng nhận biết. Lại bởi vì dựa vào pháp để hiện bày là thế nào? Nghĩa là bởi vì pháp Tiểu thừa này hạn chế vào nơi chốn mà hãy còn có sai biệt không giống nhau ở khắp thế giới hư không như vậy, thì biết pháp của Nhất thừa nổi thông các phương sai biệt vô biên, cho nên lý không nghi ngờ gì. Lại bởi vì phá chấp mà dẫn dắt cơ là thế nào? Nghĩa là bởi vì phát triển về pháp hạn chế của Tiểu thừa kia khiến cho rộng khắp, làm mất đi chấp trước vốn có, đã hiện bày về pháp giới vô biên của Nhất thừa,

khiến cho hưởng vào nơi ấy. Vả lại, đây là dựa theo Cọng giáo Nhất thừa làm quy phạm, cho nên tiếp nhận tất cả phần vị dưới. Tập là sinh ra Khổ cho nên nói là Khổ Tập, Diệt là không còn Khổ cho nên nói là Khổ Diệt, đến Đạo của Khổ Diệt cho nên nói là Đạo Diệt Khổ, không thể nào chỉ nói riêng là Khổ Đạo, bởi vì Đạo không phải là sinh ra Khổ, không giống như Tập; lại không phải là Diệt Khổ, không giống như Diệt. Nhưng có thể chứng Diệt nên nói là Đạo của Diệt, bởi vì Diệt là Khổ Diệt cho nên nói là Đạo Diệt Khổ. Văn còn lại có thể biết.

-----

## Phẩm 5: NHƯ LAI QUANG MINH GIÁC

Bốn môn giống như trước:

**A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI:** Nghĩa là quang minh của Như Lai; mở thông giác ngộ là quang minh, đó là dựa vào Thể khởi Dụng, dựa vào Dụng thành tựu lợi ích, đều là Y chủ thích có thể biết.

**B. Ý :** đưa ra có bảy 1) Trước đây trình bày về thân-ngữ, nay trình bày về ý nghiệp cho nên đưa ra. 2) Bởi vì đáp riêng biệt câu hỏi về thế lực công đức... trước đây. 3) Bởi vì hai phẩm trước riêng biệt trình bày về người và pháp khắp nơi, phẩm này là cùng hiển bày cả hai khắp nơi. 4) Bởi vì trước chỉ luận về tên gọi của Phật rộng khắp mọi nơi, phẩm này hiển bày về thật đức của thân Phật cũng rộng khắp; trước nói về Tứ đế Quyền giáo rộng khắp mọi nơi, phẩm này phân rõ về mười kệ Thật giáo cũng rộng khắp, đó là trường hàng và tụng, là hai nơi. 5) Bởi vì đoạn trừ nghi ngờ, nghĩa là phẩm trước Văn Thù nói về tên gọi của Phật-tên gọi của pháp sai biệt rộng khắp mọi nơi, sợ rằng Đại chúng nghi ngờ, cho nên Đức Phật dùng ánh sáng nơi thân chiếu rọi hiện rõ sự việc ấy khiến cho Đại chúng tận mắt nhìn thấy, lười nghi tự tiêu tan, cho nên đưa ra. 6) Không phải là cứ như trước chỉ có tên gọi của Phật, tên gọi của Đế rộng khắp thế giới như pháp giới hư không, mà nay Như Lai ngay lúc này thuyết về kinh Hoa Nghiêm cũng như vậy rộng khắp tất cả thế giới cùng tận hư không, tất cả đều là Thời giống nhau-Xứ giống nhau-Chúng giống nhau-Thuyết giống nhau, chính mình nghiệm thấy làm quy phạm phép tắc về sau, cho nên đưa ra. 7) Tên gọi của Phật, tên gọi của Đế trước đây thì nhiều, tên gọi riêng biệt-rộng khắp riêng biệt, bởi vì đều là Quyền; nay trình bày về một Pháp-một Hội tức là viên dung rộng khắp, bởi vì đều là dựa theo Thật. Lại phẩm trước là sai biệt rộng khắp, phẩm này là vô sai biệt rộng khắp, cho nên tiếp tục đưa ra.

**C. TÔNG THỨ:** Trước là Tông, sau là Thứ. Tông có hai: 1) Khai; 2) Hợp.

*Trong khai có ba:* a) Ánh sáng chủ động chiếu rọi, b) Cảnh do ánh sáng đã chiếu rọi, c) Do chiếu rọi mà thành tựu giác ngộ. Ba phần này đều có hai: Một là ánh sáng của Thân chiếu rọi cảnh về Sự khiến cho Đại chúng nhìn thấy hiểu rõ, Sự không có gì giới hạn ngăn ngại, tức là trường hàng đã phân rõ; hai là ánh sáng của Trí chiếu rọi cảnh về Lý khiến cho Đại chúng nhìn thấy hiểu rõ, Lý không có gì sai biệt, tức là trong tụng đã trình bày.

Hai là hợp, bởi vì Lý-Sự cùng dung hòa chỉ có một cảnh, cho nên

đạt được một Sự thì rộng khắp vô biên mà không làm hỏng tướng vốn có. Bởi vì cảnh không hai, cho nên ánh sáng của Thân tức là ánh sáng của Trí, chỉ một ánh sáng Vô ngại, như kinh Niết-bàn nói: “Ánh sáng này không có tướng, không phải là xanh mà thấy là xanh.” Lại cũng bởi vì Sự giác tức là Lý giác, bình đẳng chỉ một giác. Lại bởi vì ánh sáng này không khác với cảnh của giác, ba pháp viên dung chỉ một pháp giới, tuy bình đẳng không còn tướng mà có đủ tất cả luôn luôn không tạp loạn, bởi vì không có gì chướng ngại.

Hai là trình bày về ý thú, hiển bày về Lý-Sự vô ngại này có nhiều ý thú, tóm lược nói là năm loại: 1) Gần thì làm cảnh thụ động Tín cho Bồ-tát trong Tín. 2) Xa thì làm quy phạm cho một Bộ ở văn sau, bởi vì trong các Hội sau đều kết luận nối thông nói rằng tất cả thế giới cũng nói như vậy, là chỉ về văn này. 3) Bởi vì hiển bày Như Lai xuất thế dùng Nhất thừa Viên giáo hướng về một loại thế giới như núi Tu-di-lâu... để làm phạm vi thi thiết giáo hóa. 4) Bởi vì hiển bày một Hội tức là tất cả các Hội, cho nên quyển thứ nhất nói là thân ấy an tọa khắp nơi tất cả đạo tràng. 5) Hiển bày về Lý-Sự đều không có gì chướng ngại, vốn là khiến cho chúng sinh bỏ chấp theo pháp.

**D. GIẢI THÍCH VĂN:** Ánh sáng này đã chiếu rọi khắp nơi không có giới hạn, đại khái tổng số có 25 lớp, 9 lớp trước nói riêng biệt, 16 lớp sau phân rõ như nhau, là thành mười đoạn. Trong này không phải là 25 lần phát ra ánh sáng, cũng không phải là một lần phát ra ánh sáng theo thứ tự dần dần chiếu rọi 25 nơi, chỉ một lần phát ra ánh sáng thì cùng lập tức chiếu rọi, hiển hiện cùng một lúc, bởi vì dẫn dắt căn cơ tiến vào pháp khiến cho dần dần nhìn thấy, từ gần đến xa cho nên có thứ tự.

Ở trong đoạn thứ nhất có hai: Trước là Đức Phật dùng ánh sáng của thân soi chiếu Sự, khiến cho Đại chúng được trông thấy; sau là Văn Thù dùng ánh sáng của trí để thuyết pháp, khiến cho Đại chúng được nghe.

*Trong phần trước có hai:* 1) Trình bày về ánh sáng chủ động soi chiếu; 2) Trình bày về cảnh đã soi chiếu.

Trong phần một, đầu là người phát ra ánh sáng, tiếp là nơi ánh sáng phát ra, sau là hiển bày về số ánh sáng. Tướng vòng xe dưới chân phát ra ánh sáng có ba ý: a) Nghĩa ban đầu, biểu thị về Tín làm đầu tiên của vạn hạnh; b) Nghĩa dưới thấp, biểu thị về Tín hành nhỏ bé nhất; c) Nghĩa căn bản, biểu thị về Tín là gốc của vạn hạnh. Trí Luận quyển thứ 9 nói: “Dưới chân phát ra ánh sáng là thân đạt được trú xứ đều do nơi chân.” Là nói đến điều này. Trăm ức quang minh, bởi vì thế giới đã soi

chiếu tuy là vô biên nhưng đều là thế giới Tu-di-lâu sơn, cho nên đều có trăm ức thế giới hệ... vốn là đã soi chiếu, vì thế quang minh cũng chỉ có trăm ức.

*Trong phần hai, đã soi chiếu hiện rõ có hai:* a) Trình bày về soi chiếu hiện rõ sự nhiễm-tịnh... trong Đại thiên thế giới; b) Từ “Như thử kiến Phật...” trở xuống là trình bày về soi chiếu hiện rõ tướng rộng khắp mọi nơi từ pháp hội.

*Trong phần a có bốn:* Một, hiện rõ cõi người, bên bờ biển này có đại thọ tên gọi Diêm-phù-đề, dựa vào cây này lập ra tên gọi của châu này. Phát-bà-đề, Trung Hoa nói là Thắng Thân, bởi vì người sinh ở cõi ấy thân đều thù thắng. Cầu-già-ni, Trung Hoa nói là Ngưu Hóa, bởi vì ở cõi ấy dùng trâu làm hàng hóa trao đổi. Uất-đơn-việt, Trung Hoa nói là Thắng Sinh, bởi vì xác định sống thọ ngàn tuổi, áo cơm tự nhiên. Hai, hiện rõ Phật xuất thế, ở trong tám tướng, ba tướng đầu chưa phải là tướng xuất hiện cho nên ở đây không luận đến.

Hỏi: Đức Phật mới thành đạo trong bảy ngày thứ hai, phát ra ánh quang minh này làm sao lại hiện rõ về đời sống lúc còn làm Bồ-tát...? Và lại, Đức Phật mới xuất thế, vì sao lại hiện rõ là có Bát Niết-bàn? Đáp: Văn sau nói, ở trong một niệm hiển bày rõ ràng tất cả Phật sự của ba đời, đây là trình bày về hiện tại thâm nhiếp quá khứ-vị lai.

Hỏi: Nếu như vậy thì sao không hiện rõ sự việc của vô lượng kiếp ấy?

Đáp: Ý văn trong này bởi vì chỉ luận về sự việc của Đức Phật xuất hiện trong thế giới này, cho nên không nói đến điều gì khác mà thôi.

Ba, hiện rõ chư Thiên có thể biết. Bốn, thế giới này... là một câu tổng quát kết luận về tất cả những gì hiện rõ.

*Trong phần b hiện rõ từ pháp hội có hai:* Một, hiện rõ Hội này; hai, từ “Dĩ Phật thân lực...” trở xuống là hiện rõ chúng mới đến quy tụ. Trong đó, thân lực của Phật là trước thì như cảnh tượng ấy mà hiện bày thân lực. Trong chúng đã quy tụ có ba thế gian... có thể biết. Lại như ánh sáng nơi này soi chiếu vô biên thế giới, mỗi một chúng hội thấy đều hiển bày rõ ràng, mỗi một hội kia cũng đều như vậy, ánh sáng soi chiếu vô biên bởi vì pháp không hai, cùng với nơi này không khác nhau. Lại các ánh sáng đan xen qua lại không trở ngại nhau, bởi vì đều thấy ánh sáng nơi ấy soi chiếu nơi khác, không thấy ánh sáng nơi khác soi chiếu đến mình. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì chủ với chủ-bạn với bạn đều không song song, bởi vì chủ-bạn và bạn-chủ đều không trái nhau.

Hỏi: Các Hội này vì sao hiển bày lẫn nhau?

Đáp: Có hai tướng: Một là bởi vì ánh sáng này soi chiếu nơi kia, khiến cho nơi kia hiện rõ nơi này thấu nhiếp thành một Hội, nơi kia cũng như vậy. Điều này giống như chư Phật phân thân trong Pháp Hoa. Hai là ngay một Hội này, Đức Phật và Văn thù đều dung hòa khắp nơi pháp giới, là tất cả các Hội. Bởi vì trong Viên giáo không có một pháp nào không phải là tất cả, cho nên một Văn Thù từ phương Đông đến thì tức là Văn Thù ở tất cả mọi nơi trong một lúc cùng đến. Từ đây đi về phương Tây trải qua mọi nơi thuyết kinh Hoa Nghiêm ở vô biên thế giới, cũng thấy Văn Thù đến từ ngoài mười cõi ở phương Đông. Phương Đông cũng như vậy. Chưa có ai thấy Văn Thù đi qua từ hướng Tây, cho đến Hiền Thủ cũng như vậy. Bởi vì là duyên khởi môn không xen tạp của Nhất thừa, suy nghĩ điều này!

Hai là trong Trí quang giác có hai: Trước là nơi này, sau là kết luận nối thông. Trong này ý tưng chỉ dung hòa hội tụ các sự việc do ánh sáng trước đây đã soi chiếu. Trong đó có hai nghĩa: 1) Dựa theo cảnh có ba loại: a) Một tưng đầu trình bày về pháp lìa xa tình; b) Có tám tưng hội tụ Sự giống với Lý; c) Một tưng cuối cùng hiển bày về Sự vô ngại, đều dựa vào phần trước phát khởi phần sau. 2) Dựa theo tâm: Một là sợ rằng Đại chúng thấy sự việc do ánh sáng trước đây đã soi chiếu, tùy theo tướng mà chấp lấy, cho nên kệ đầu dựa theo Phật mà loại bỏ, khiến cho Đại chúng rời bỏ tướng lìa xa sai lầm trái với lý. Lại kinh Niết-bàn nói: “Như Lai không phải là vô lưu, nguyên cố thế nào? Bởi vì Như Lai thường hành trong hữu lưu.” Lại Phật Địa luận trình bày: “Bởi vì Phật không phải là lưu-không phải là vô lưu.” Hai là sợ rằng Đại chúng phát sinh nghi ngờ, vì sao sự việc này mà có thể rộng khắp mọi nơi? Vì thế tám kệ tiếp hội tụ Sự giống với Lý, khiến cho Đại chúng thấy Chân hiển bày thuận theo pháp đạt được. Ba là nghi ngờ rằng Sự đã giống với Lý thì bình đẳng không hai, vì sao có thể có từng sự việc-sự việc rộng khắp mọi nơi? Vì thế một kệ sau cuối trình bày vốn là Sự của Lý, mà có thể một Sự là vô lượng Sự.

Trong tám tưng, một tưng thứ nhất do trước đã biết Phật là pháp vô lưu thì trở thành sai lầm, chưa biết như vậy thì không có lỗi ư? Nay nói quán Phật vô sở hữu thì không có lỗi, bởi vì pháp công đức của Phật từ duyên không có tánh cho nên tự tan diệt. Lại giải thích là quán Phật và pháp vốn đều lìa tánh, đây tức là hội tụ về Phật phát ra ánh sáng trước đây để trình bày về lìa kiến chấp. Tưng thứ hai là hội tụ về nơi ánh sáng trước đây đã soi chiếu, lại trình bày về y-chánh trước đây đều không còn trú trong chấp trước. Tưng thứ ba là trình bày về y-chánh



không hai, lại trình bày về thân Phật và pháp vô lưu đều vô sở hữu cho nên không hai. Tâm tùy ấy là phương tiện quán. Nhập ấy là chính thức chứng về quán. Tụng thứ tư là hội tụ tất cả ba thế gian. Ngã là Ngã chấp của chúng sinh, Phật là Trí chánh giác. Hai chủ-bạn này bình đẳng, hai trú xứ kia là Khí thế gian. Vô sở trú cho nên lìa các cõi (hữu). Vả lại, Ngã là vọng chấp, Phật là Chân trí, đây là nêu ra hai bình đẳng, hai câu sau giải thích về Chân trí, đối với Lý trú vào vô sở trú, đương Thể của vọng Ngã xa lìa đối với cõi. Tụng thứ năm là hội tụ tất cả năm Uẩn, Số là tướng của Tục số duyên khởi, nghĩa là năm Uẩn nếu có thì có thể thuộc về Tục số, bởi vì Uẩn Không cho nên không có Số. Lại hội tụ trăm ức ánh sáng đã phát ra trước đây... và các số lượng thế giới đã soi chiếu..., đều dựa vào trong Sắc-Tâm năm Uẩn mà lập lập, tìm năm Uẩn này thật sự không có Số của nó, cho nên nói là Vô số. Tụng thứ sáu là không còn chủ động quán và thụ động quán (năng-sở quán), không phải là cứ như Không của những thế giới đã thấy, trí của chủ động quán cũng vô sở hữu, lại thấy ấy là người, đây cũng là Không. Tụng thứ bảy là quán về Dụng thường vắng lặng, nghĩa là Đức Phật này xuất thế tức là không có gì khởi. Lại như lý Không này hiện rõ trước mắt gọi là Phật xuất hiện, thì Không Phật gọi là không có gì khởi. Tụng thứ tám là quán về hai Không, câu trước là Nhân Không, câu tiếp là Pháp Không. Chuyển tướng như vậy thì một là dựa theo chấp chuyển hết tướng của hai chấp, hai là chuyển tướng hiện rõ lý về hai Không, đều một câu sau cuối trình bày về lợi ích của quán, đều có thể biết.

Trong một giải thích về vô lượng, là trình bày trong một Hội này... mà có vô lượng Hội..., trong vô lượng Hội... mà là một Hội, là nơi mà ánh sáng trước đây đã soi chiếu. Trong đó, hai câu đầu là nêu ra, một câu tiếp là giải thích, một câu sau cuối là lợi ích.

Trong nêu ra luận chung về Hội này có cùng Thể-khác Thể, đều có dung chứa nhau-ngay trong nhau, dựa theo giải thích ở trên nên biết. Văn này lại trình bày về dung chứa nhau, cho nên nói một trong vô lượng..., nhưng gồm chung đồng Thể-khác Thể.

Hai là trong giải thích sơ lược nêu ra hai nhân để giải thích: 1) Bởi vì lần lượt chuyển tiếp sinh ra; 2) Bởi vì không phải là thật.

*Môn một lần lượt chuyển tiếp sinh ra:* Là tổng quát thu nhận như duyên sai biệt tận cùng pháp giới này làm thành một duyên khởi, vì vậy từng các duyên một hướng về nhau đều có hai nghĩa: a) Dựa theo Thể, đầy đủ nghĩa Không-Hữu cho nên có ngay trong nhau (tương tức), nghĩa là nếu không có một thì tất cả các duyên đều mất đi tự Thể. Nguyên cơ



thế nào? Bởi vì không có một thì nhiều không hề có thành tựu, không hề có thành tựu cho nên không phải là duyên. Vì vậy, có một thì có tất cả, mất một thì mất tất cả, ngay trong tất cả này vốn là nghĩa về Không. Phai mờ Tự tức là Tha, bởi vì một là nghĩa về Hữu, cho nên thâm nhiếp Tha tức là Tự, ngược lại với trên. Tức một là nghĩa về Không cho nên cũng phai mờ Tự tức là Tha. Nhiều là nghĩa về Hữu cho nên thâm nhiếp Tha tức là Tự. Bởi vì hai Không-hai Hữu đều không đi cùng cho nên lúc không có thì không ngay trong nhau; một Không-một Hữu không trở ngại nhau, cho nên luôn luôn có ngay trong nhau. Lại bởi vì trong mỗi một duyên Không-Hữu không hai cho nên không làm hỏng Tự mà tức là Tha, suy nghĩ về diệu nghĩa này. b-Dựa theo Dụng, bởi vì có nghĩa về có lực-không có lực, cho nên có hòa vào nhau (tương nhập), nghĩa là các duyên khởi không phải là đều ít lực mà cùng sinh, tức là mỗi một duyên đều có nghĩa về toàn bộ dấy lên-nghĩa về toàn bộ không dấy lên. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu không có một duyên thì những duyên khác đều không dấy lên, là do một duyên có lực mà những duyên còn lại đều không có lực, duyên khác cũng như vậy. Đây tức một duyên có lực cho nên có thể dung nạp nhiều duyên, nhiều duyên không có lực cho nên kín đáo hòa vào một duyên; nhiều duyên có lực... cũng như vậy. Cũng do hai có lực-hai không có lực không đi cùng cho nên lúc không có thì không hòa vào nhau; một có lực-một không có lực không trở ngại nhau, cho nên luôn luôn hòa vào nhau mà thôi. Lại ở trong mỗi một duyên đều do có lực-không có lực không hai, cho nên không làm hỏng ở bên ngoài mà luôn luôn hòa vào nhau, suy nghĩ điều này. Bởi vì trong môn duyên khởi có nghĩa như dấy lên lẫn nhau (tương tác)... này mà thành một-nhiều, cho nên nói lần lượt chuyển tiếp sinh ra. Ngay trong một-nhiều này trải qua lẫn nhau lần lượt chuyển tiếp sinh ra nhau, cho nên đạt được một trong vô lượng, vô lượng trong một.

*Môn hai bởi vì không phải là thật, cũng có hai môn:* a) Nghĩa về ngay trong nhau, nghĩa là một không phải là thật một cho nên có thể thâm nhiếp nhiều, nhiều không phải là thật nhiều cho nên có thể ngay trong một. Lại nhiều không phải là thật nhiều cho nên có thể thâm nhiếp một, một không phải là thật một cho nên có thể ngay trong nhiều. Lại một của ngay trong nhiều không phải là một, nhiều của ngay trong một không phải là nhiều. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì không thật. Lại một của ngay trong nhiều mới gọi là một, nhiều của ngay trong một mới gọi là nhiều. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì là không thật một. Nhiều cũng như vậy. Lại là cũng một-cũng không một, cũng nhiều-cũng không nhiều.

Nguyên cố thế nào? Bởi vì không thật vốn có đủ hai nghĩa. Lại không phải là một-không phải là không một, không phải là nhiều-không phải là không nhiều. Nguyên cố thế nào? Bởi vì không thật vốn không còn hai tướng, suy nghĩ điều này. b-Môn dung nạp nhau, nghĩa là một Sự là không thật bởi vì không có tánh, Chân lý không có tánh đã không có phạm vi giới hạn, vì vậy lúc ở trên một Sự quán về không có tánh, không có gì không đầy đủ toàn bộ pháp giới Chân như. Nếu lúc quán một ít Sự không có tự tánh, thì không có thể đầy đủ toàn bộ pháp giới Chân như, tức là Chân như có phạm vi giới hạn, vẫn giống như hữu vi. Vì vậy một Sự không có tánh thì thâm nhiếp toàn bộ Chân, thâm nhiếp toàn bộ Chân thì tất cả các pháp khác đã không ngăn ngại tồn tại, mà tức là Chân cho nên giống như Lý cùng hiện rõ ở trong một Sự; trong nhiều cũng như vậy, dựa theo đây. Lại bởi vì đều không làm hỏng Sự vốn có cho nên không phải là môn ngay trong nhau. Bởi vì Sự của không thật thâm nhiếp Chân lý cho nên có thể hòa vào nhau. Lại có thể lần lượt chuyển tiếp sinh ra trước đây dựa theo khác Thể ngay trong nhau-hòa vào nhau, môn này dựa theo cùng Thể ngay trong nhau-hòa vào nhau, suy nghĩ điều này.

Lại chỉ trong kinh này giải thích về nghĩa ngay trong nhau-hòa vào nhau đều có hai môn: 1) Dựa theo tướng duyên khởi do môn; 2) Dựa theo pháp tánh dung thông môn. Vốn là hai văn này. Lại bởi vì lần lượt chuyển tiếp sinh ra cho nên không thật, tức là hai môn không khác nhau. Lại bởi vì hai môn ngay trong nhau-dung nạp nhau, đều thâm nhiếp toàn bộ các pháp cho nên cũng không khác nhau, nhưng nghĩa luôn luôn không xen tạp, suy nghĩ điều này. Ở đây văn sau cùng với văn này giống nhau, thích hợp dựa theo đây biết được. Văn này lại dựa theo nghĩa dung nạp nhau mà nói, cho nên nói là một trong vô lượng..., nhận biết điều này. Lợi ích của quán là thông hiểu chánh lý này đối với duyên không sợ hãi, cho nên nói là Vô sở úy; bởi vì cảnh và pháp vô ngại, do đó làm cho trí không có gì sợ hãi.

Trong phần sau là kết luận nối thông, chỉ kết luận về trăm ức xứ Diêm-phù trong một thế giới Ta-bà này, không phải là thế giới khắp nơi hư không ở văn sau... Theo thứ tự hai tầng nói: Văn Thù nhất thiết xứ, chỉ là mười quốc độ Phật ở mười phương đều có trăm ức xứ, không phải là xứ ở tầng thứ ba, cho đến cuối cùng mới là toàn bộ pháp giới. Ý văn như vậy nên biết.

Tầng thứ hai soi chiếu mười phương đều có mười thế giới. Trường hàng giống như trước, trong kệ phân làm hai: Đầu là sáu kệ ca ngợi

Đức Phật, sau là bốn kệ ca ngợi Bồ-tát. Trong phần đầu: 1) Hiện bày về nhân cầu đạo của Phật; 2) Chuyển chánh pháp luân, câu đầu là nêu ra, câu tiếp giải thích về không Thường, hai câu sau cuối giải thích về không Đoạn; 3) Đại thế làm căn bản; 4) Từ lực chế phục ma; 5) Chứng Trí đoạn bên trong; 6) Lợi ích của trí giáo hóa bên ngoài.

*Trong phần sau ca ngợi Bồ-tát:* 1) Đi qua các cõi; 2) Niệm Phật; 3) Cứu khổ; 4) Hộ pháp, đều là câu sau cuối kết luận về nhân quả.

Tầng thứ ba soi chiếu mười phương đều có trăm thế giới. Trong kệ đưa ra hai giải thích: Một giải thích là một kệ đầu ca ngợi về đức của Báo thân, chín kệ còn lại ca ngợi về đức của Hóa thân. Trong một kệ trước, hai câu đầu trình bày về đức của Đại Trí, một câu tiếp là đức của Đại Định, một câu sau cuối là đức của Đại Bi. Lại giải thích: Dùng Lý trí soi chiếu Chân, cho nên hiểu rõ các pháp như Không, đạt được tâm thanh tịnh vô ngại; dùng Lượng trí rõ ràng về Tục, cho nên hiểu rõ các pháp như Huyền, có thể điều phục quần sinh. Hai giải thích rằng một kệ đầu là tổng quát, chín kệ còn lại là riêng biệt. Trong tổng quát, do ứng với cơ mà hiện khởi, cho nên như huyền, khiến cho trông thấy sai biệt. Do mẫu mực mà không khởi, cho nên như Không, bình đẳng cùng chung một vị. Do khởi-không khởi không có hai, điều phục chúng sinh thì tâm thường thanh tịnh, cho nên nói là vô chướng ngại. Trong chín kệ sau đều có đủ nghĩa về không hai này, cho nên Dụng thường vắng lặng. Lại ba câu trước trình bày về Thể của duyên khởi thanh tịnh, một câu sau cuối trình bày về duyên khởi. Chín kệ sau dùng Thể thuận theo duyên, chính thức trình bày về tướng của duyên khởi. Trong đó hoặc là thấy thì có ba nghĩa: 1) Dựa vào một người thấy ở thời gian khác nhau, nghĩa là như lúc đầu thấy mới sinh ra, cho đến về sau thấy Niết-bàn, lần lượt mà thấy. 2) Nhiều người thấy cùng một lúc, nghĩa là có người thấy lúc đang thuyết pháp thì từ trong ấy có người thấy Niết-bàn..., đều không có gì chướng ngại, không trông thấy lẫn nhau. 3) Một người thấy cùng một lúc, nghĩa là thấy lúc mới sinh ra, trong đó thì thấy Niết-bàn..., như tám tướng tinh tế... ở văn sau. Bởi vì tâm thanh tịnh vô ngại, cho nên có thể dung hòa trọn vẹn ứng với khắp nơi.

*Trong đó:* 1) Mới sinh ra; 2) Lúc đi bảy bước; 3) Lúc quay đầu lại nhìn mười phương; 4) Lúc Sư tử gầm lên nói trên trời dưới đất chỉ có Ngã là tôn quý; 5) Xuất gia; 6) Thành đạo; 7) Chuyển pháp luân; 8) Hiện bày thân lực; 9) Nhập Niết-bàn.

*Tầng thứ tư soi chiếu một ngàn thế giới. Trong kệ phân làm ba:* Đầu là hai kệ trình bày về Pháp thân, tiếp là bốn kệ phân rõ về Giải

thoát, sau là bốn kệ trình bày về Bát-nhã.

Trong phần Pháp thân, một kệ đầu trình bày về lý thích ứng với duyên khởi, nghĩa là câu đầu nêu rõ sâu xa, những câu sau giải thích về không có tướng đã đạt được, cũng không có trí có thể đạt được, nhưng không trú vào pháp này cho nên ứng với cơ mà hiện rõ; một kệ sau trình bày về hiện rõ tức là không hiện rõ, cho nên li xa các trần.

*Trong phần tiếp là Giải thoát có ba:* Một kệ đầu thế nào là Giải thoát, nghĩa là câu đầu trình bày về Thể của giải thoát; ba câu sau trình bày về Dụng của giải thoát, nghĩa là cơ cảm tương ứng gọi hòa hợp mà khởi lên. Hai kệ rưỡi tiếp phân rõ về giải thoát nơi nào, nghĩa là một kệ đầu li ràng buộc của khổ, li Phần đoạn cho nên không thuộc về thế gian, li Biến dịch cho nên gọi Sư tử giữa loài người; một kệ tiếp li ràng buộc của nghiệp, nghĩa là căn-cảnh vốn Không, nghiệp hư vọng không còn cho nên cùng thoát ra, một câu tiếp li ràng buộc của phiền não, một câu tiếp gồm chung kết luận vĩnh viễn không còn cho nên chảy dài không chuyển đổi. Nửa kệ sau cuối trình bày về nhờ vào đâu mà giải thoát, nghĩa là nhờ vào Tự lợi-Lợi tha viên mãn, nói như văn.

*Trong phần sau là Bát-nhã có ba:* Một kệ đầu soi chiếu về Chân, hai kệ tiếp là hiểu rõ về Tục, một kệ sau cuối là cùng kết luận về Chân-Tục dung hòa vô ngại.

Tầng thứ năm soi chiếu một vạn thế giới. Trong kệ khuyến khích các Bồ-tát tu mười loại nghiệp: 1) Nghiệp về Từ Bi; 2) Nghiệp về Tín tâm niệm Phật; 3) Nghiệp về Tuệ thiện; 4) Nghiệp về không gián đoạn; 5) Nghiệp về trải qua thời gian dài; 6) Nghiệp về quán Thật tướng của thân; 7) Nghiệp về quán Thật cảnh của tâm; 8) Nghiệp về thân thông; 9) Nghiệp về phân biệt quốc độ của Phật; 10) Nghiệp về nhận biết rõ ràng nhiều Đức Phật. Ở trong mười nghiệp này, một nghiệp đầu là duyên với hành của chúng sinh; bốn nghiệp tiếp là duyên với hành của Đức Phật, một là Tín, hai là Tuệ, ba là Quán, bốn là Cầu; hai nghiệp tiếp là tiến vào quán hạnh, một là Tự, hai là Tha, lại một là Thân, hai là Tâm; ba nghiệp sau cuối là khởi lên tác dụng thực hành, một nghiệp đầu là tác dụng của thân thông, hai nghiệp sau là tác dụng của trí, một là biết về quốc độ, hai là biết về Phật.

Tầng thứ sáu soi chiếu mười vạn thế giới. Trong kệ dựa vào bản Phạm, mỗi bốn câu làm một tụng, gồm có 11 kệ. Trong đó có hai: Đầu là sáu kệ bảy chữ trình bày về Thể tánh tịch diệt của Phật, sau là năm kệ năm chữ trình bày về diệu dụng tự tại.

*Trong phần đầu:* Một kệ đầu trình bày về chấp vào Sắc là trái với

Chân. Hai là Diệu tướng vượt quá tình thức. Ba là hiển bày về nguyên cố vượt quá tình thức, nghĩa là dùng không phải là tướng để làm tướng. Bốn là tướng ngay nơi không phải tướng, cho nên không có hợp lại-tản ra. Năm là trình bày về Phật không có năm Uẩn. Nếu dựa theo Tiểu thừa thì Phật có năm Uẩn hữu lậu, như Tỳ-bà-sa... nói. Nếu dựa vào Thỉ giáo thì Phật có năm Uẩn vô lậu, như Thành Duy Thức... nói. Nếu là Chung giáo và Đốn-Viên giáo thì Phật không có năm Uẩn vô lậu, như Phật Địa luận nói: “Nghĩa như thật là thân-độ của Như Lai vô cùng vì diệu cho đến không phải là các pháp môn như Uẩn-Giới... thâm nhiếp, chỉ tùy theo những gì thích ứng mà nói đủ loại khác nhau.” Sáu là trình bày về trong tâm-ngoài thân của Phật không khác, bởi vì cùng giải thoát, bởi vì không có hai, bật dứt sắc-tâm.

*Trong phần sau là diệu dụng có ba:* Một kệ đầu là ánh sáng của Trí soi chiếu. Hai kệ tiếp là thân hưởng đến cảm ứng vô ngại, một kệ đầu là một-nhiều vô ngại, một kệ sau là lý-sự vô ngại. Hai kệ sau cuối nêu ra Vọng để hiển bày về Chân, một kệ đầu là nêu ra Vọng, một kệ sau là hiển bày về Chân. Như vậy chân thật là vọng tưởng trước đây, bởi vì người mê cho rằng vọng là thật mà không thấy thật của vọng, người ngộ thấy vọng không có thật tức là thấy thật của vọng, bởi vì hợp với pháp vọng. Lại bởi vì người mê có vọng mà không nhận biết vọng cho nên không có thật của vọng, người ngộ không có vọng cho nên nhận biết vọng, nhận biết vọng cho nên đạt được thật của vọng, suy nghĩ điều này.

Tầng thứ bảy soi chiếu trăm vạn thế giới. Trong tụng có mười kệ: Một kệ đầu là một mình vượt lên trên thế gian. Hai là khéo léo bật dứt tâm-cảnh, không có nương tựa thì không có cảnh. Ba là tánh đối trị lìa nhiễm, câu trước là tánh lìa xa, câu tiếp là đối trị lìa xa, hai câu sau là giải thích thành tựu. Bốn là lìa xa Vọng-hiểu rõ Chân. Năm là chuyển-không chuyển pháp luân. Sáu là lìa xa tướng có-không có, gọi là ý nghĩa đích thực. Bảy là dựa theo Chân đế, pháp bật dứt một-nhiều. Tám là dựa theo Tục đế, trong đó hai câu đầu là một-nhiều không xen tạp, hai câu sau là hiển bày về lợi ích nhận biết rõ ràng.

Hỏi: Trước đây nói trong một hiểu vô lượng..., cùng với điều này trái ngược nhau, làm sao có thể giải thích?

Đáp: Trong này duyên khởi có bốn câu: 1) Trong một có nhiều bởi vì một không có tánh; 2) Trong một không có nhiều bởi vì một không làm hồng; 3) Trong một cũng nhiều cũng không nhiều, bởi vì không làm hồng một mà không có tánh, không có tánh mà không ngăn ngại một,

cho nên có đủ hai nghĩa; 4) Trong một không phải là nhiều cũng không phải là không nhiều, bởi vì hai nghĩa đều dung hòa làm mất đi cho nên cả hai cùng phai mờ. Lại do một cho nên có hai, bởi vì nếu không phải là không có tánh thì làm hỏng một; do hai cho nên có một, bởi vì nếu làm hỏng một thì không có gì không có tánh. Vì vậy hai nghĩa mà chỉ là một sự. Đây là dựa theo Bất hoại, trước là dựa theo Vô tánh, cho nên không trái ngược nhau. Đây tức là bởi vì trong một không có nhiều, cho nên trong một có nhiều; trên ngược lại cũng như vậy. Câu thứ ba và câu thứ tư, cùng-không cùng thuận theo nhau cũng như vậy, cùng vô ngại mà thành lập, suy nghĩ chuẩn xác điều này.

Chín là quán về tướng của ba pháp không còn, gọi là niệm Bồ-đề: Một là các pháp, hai là chúng sinh, ba là quốc độ. Mười là quán về ba pháp như tánh gọi là hiểu rõ về nghĩa của pháp Phật.

Tầng thứ tám soi chiếu một ức thế giới. Phép đếm số của các nước Tây Trúc có ba loại ước: 1) Trăm vạn; 2) Ngàn vạn; 3) Vạn vạn. Văn sau trăm ngàn-trăm ngàn gọi là một Câu-chi, Câu-chi thì Trung Hoa nói là Úc, là một ngàn vạn làm Úc. Trong này dựa vào ngàn vạn làm một Úc, Đối Pháp luận nói v.v... Trong tụng có 20 kệ ca ngợi về lực thiện xảo của Phật, hai tụng là một nghĩa, đều trước là nêu ra những việc làm, một câu sau cuối kết luận do năng lực khéo léo. Trong đó có mười: Một là lực về Trí đoạn viên mãn. Hai là lực về Đại Trí vui với cảnh. Ba là lực về không có công sức mà thành tựu sự việc, trong đó có ba pháp, một là chúng sinh, hai là nơi giáo hóa, ba là nội thiên, đều li xa nhiệm trước cho nên nói là năng lực khéo léo. Bốn là lực về Lý-Trí tiến vào Thật. Năm là lực về nêu rõ quả thâm nhiếp chúng sinh. Sáu là lực về Trí tiến vào sâu xa bí mật. Bảy là lực về Cảnh-Trí cùng mất cả hai. Tám là lực về nhớ thời gian rõ ràng nơi chốn. Chín là lực về thông hiểu rõ ràng mọi căn cơ. Mười là lực về khéo léo thông hiểu ba thời gian. Trong đó một loại đầu là dựa theo Tục, một loại sau là dựa theo Chân.

Tầng thứ chín soi chiếu mười ức thế giới. Trong tụng có 20 kệ ca ngợi về hạnh Lợi tha của Đức Phật, cũng hai tụng làm một sự.

Trong đó, hai kệ đầu tổng quát nêu ra ý giáo hóa, 16 kệ tiếp riêng biệt phân rõ về sự giáo hóa, hai kệ sau cuối là kết luận về Dụng giống như Thế.

Trong phần đầu, Sư tử hống là quyết định độ. Trong riêng biệt có tám cặp, đều là một kệ đầu nêu ra đã được cứu giúp, một kệ sau phân rõ về chủ động cứu giúp. Trong cặp đầu, một kệ trước là cứu giúp chúng sinh si-ái, như người rơi xuống biển, do bốn nghĩa khó mà thoát khỏi:

1) Nước sâu; 2) Sóng cao; 3) Bị vướng vào lưới; 4) Tối tăm mù mịt cho nên khó thoát; chúng sinh cũng như vậy.

*Trong này, ai có hai nghĩa:* 1) Đã được nhiều vốn là như biển; 2) Cầu không đủ như nước chảy; si cũng có hai nghĩa: a) Không thấy lầm lỗi cho nên như ngu đần, b) Thấy có vui cho nên đan thành lưới. Một kệ sau là tự mình tinh tiến thực hành là chủ động cứu giúp, tức là cảnh Bi của Phật, cho nên nói là cảnh Phật. Hai là cứu giúp chúng sinh năm dục, nghĩa là năm cảnh như Sắc... làm cho tâm mê mẩn hỗn loạn, thật không có nói là có, cho nên phát khởi vọng tưởng... Ba là cứu độ chúng sinh đấng Ngã, Tuệ là Phật, thời gian này là Ngã, Ngã là gốc của sinh tử cho nên Phật chủ động diệt trừ; ba câu sau là đã được cứu giúp, câu đầu là trước không có ranh giới, câu dưới là sau không có tận cùng, không có Ngã-Pháp là tịch diệt. Bốn là cứu giúp chúng sinh trong nẻo ác, kệ đầu là khổ vô cùng, hai câu sau là khổ sâu nặng. Năm là cứu giúp chúng sinh tà kiến ngoại đạo. Sáu là cứu giúp chúng sinh mê đắm ba cõi. Bảy là cứu giúp chúng sinh vô minh. Tám là cứu giúp chúng sinh luôn luôn vây hãm. Trong hai kệ sau cuối là kết luận, sáu câu đầu là nhân tròn vẹn, câu đầu là có duyên, câu hai là hạnh vốn có, câu ba là nơi thực hành, câu bốn là thực hành nhiều, năm là hai câu thực hành sâu sắc; hai câu sau cuối là quả đầy đủ, bởi vì giống với tất cả các thân của ba thế gian.

Tầng thứ mười có 16 lớp, bởi vì nói riêng biệt khó hết cho nên tổng quát mà luận, cũng có 20 kệ, 6 kệ đầu nêu ra quả ca ngợi về đức, 14 kệ sau trình bày về nhân hướng đến tiến vào.

Trong phần trước, hai kệ đầu là nội trí hợp với Chân, trong đó hai câu đầu là một niệm quán nhiều kiếp, hai câu tiếp là một niệm phai mờ ba đời, hai câu tiếp là biết duyên khởi tức Chân, hai câu tiếp là công thành vốn có quả. Tiếp có hai kệ trình bày về đức thù thắng nổi bật bên ngoài, trong đó hai câu đầu là tên gọi khắp nơi, hai câu tiếp là lìa nhiễm, hai câu tiếp là thân khắp nơi, hai câu tiếp là thuyết giảng khắp nơi. Hai kệ sau cuối trình bày về nhân quả y-chánh, trong đó trước là phước làm nhân đạt được Y quả, sau là trí làm nhân đạt được Chánh quả.

*Trong 14 kệ sau luận chung về giáo tu bảy loại hạnh:* Một là hai kệ đầu tu hạnh Tự lợi-Lợi tha, kệ trước là Tự lợi, câu đầu là Phước, câu hai là Nhẫn, câu ba là Định, câu bốn là Tuệ; kệ sau là Lợi tha. Hai là hai kệ thành tựu hạnh thấy Phật, kệ đầu là thấy Ứng, kệ sau là thấy Chân. Thông hiểu rõ ràng tất cả các pháp có-không, không phải là có-không thì có ba môn: 1) Dựa theo ba tánh; 2) Dựa theo ba vô tánh; 3) Dựa theo

cả hai dung hòa.

Trong một lại có hai, trước là riêng biệt, sau là tổng quát. Trong riêng biệt, ba tánh đều có hai nghĩa. Trong Sở chấp, một là tình có, hai là lý không có. Trong Y tha, một là huyền Hữu, hai là tánh Không. Trong Viên thành, một là lìa tướng, hai là Thể thật. Ba loại trên đây, mỗi một loại đều dung hòa không hai vốn là một tánh. Trong tổng quát thì Sở chấp là không có, Viên thành là có, Y tha là cùng có cả hai, bởi vì Chân-Vọng thâm nhiếp đầy đủ hai tướng không còn cho nên không hai.

Hai là dựa theo ba vô tánh, đầu là trong cảnh quán không có tướng, bởi vì Sở chấp có-không đều là hư vọng, lại không có pháp có mà có pháp không có, cho nên cùng lìa. Trong Y tha không có sinh tánh, không có huyền Hữu mà có tánh Không, không hai cho nên cùng lìa. Trong Viên thành không có tánh, không có hai tánh mà có Chân lý, cũng không hai cho nên cùng bất dứt.

Ba là dựa theo cả hai dung hòa, ba có-ba không có, viên dung vô ngại, hai tướng bất dứt cho nên cùng lìa.

Ba là hai kệ khuyên dạy thực hành thuyết pháp, trong đó hai câu đầu là cảnh đã được giáo hóa, Lạc là tin tưởng vui thích, tin tưởng vui thích không phải là một mà đầy khắp mười phương; một câu tiếp là nơi giáo hóa; một câu tiếp là chính thức thuyết giảng; hai câu tiếp là lợi ích giáo hóa, câu trước là lìa nhiễm, câu sau là thành tựu về đức; hai câu sau cuối là công hạnh thành tựu. Bốn là hai kệ thọ pháp thực hành tức là thấy Pháp thân đang thuyết giảng, bởi vì lấy bảy Giác làm Pháp luân. Năm là hai kệ trình bày về rời bỏ tướng thấy Chân hạnh. Sáu là hai kệ về hạnh sinh đến cõi như Phật... Bảy là hai kệ dụ về sinh diệt không có hạnh căn bản. Trên đây là đáp chung về mười câu hỏi đầu ở phần trước, xong.

-----